

KHẢ NĂNG VIỆT NAM GIA NHẬP VÀO CÔNG ƯỚC LA HAYE NĂM 2019 VỀ CÔNG NHẬN, CHO THI HÀNH PHÁN QUYẾT NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ, THƯƠNG MẠI

TRỊNH THỊ KIM LOAN

Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of International Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: ttkloan@hcmulaw.edu.vn

TRẦN THỊ NGỌC HÀ

Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of International Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: ttnha@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết phân tích một số nội dung cơ bản của Công ước La Haye năm 2019 về cơ sở cho việc công nhận, cho thi hành và không công nhận phán quyết nước ngoài trong lĩnh vực dân sự, thương mại. Từ đó, bài viết đánh giá sự phù hợp của các quy định của pháp luật Việt Nam và khả năng gia nhập vào Công ước La Haye năm 2019 cũng như đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về điều kiện công nhận, cho thi hành và từ chối công nhận phán quyết nước ngoài ở Việt Nam.

Từ khóa: Công ước La Haye năm 2019, công nhận và cho thi hành, phán quyết nước ngoài

Abstract

The article analyzes key provisions of the 2019 Hague Convention on the recognition, enforcement, and refusal of foreign judgments in civil and commercial matters. It then assesses the compatibility of Vietnamese law with the Convention's regulations and explores the feasibility of Vietnam's accession. Based on this analysis, the article provides recommendations for improving Vietnamese law regarding the recognition, enforcement, and refusal of foreign judgments.

Keywords: the Hague Convention 2019, recognition and enforcement, foreign judgments

DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.243>

Ngày nhận bài: 05/9/2024

Ngày duyệt đăng: 13/01/2025

1. Các vấn đề pháp lý cơ bản của Công ước La Haye năm 2019 về công nhận, cho thi hành phán quyết nước ngoài trong lĩnh vực dân sự, thương mại

Ngày 02/7/2019, Công ước La Haye năm 2019 quy định vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết nước ngoài về vấn đề dân sự, thương mại chính thức có hiệu lực thi hành (Công ước La Haye năm 2019).¹ Năm 2011, Hội nghị La Haye đã đồng ý xem xét tính khả thi của việc tái xây dựng công ước mang tính toàn cầu về vấn đề liên quan

1 Andrea Bonomi and Cristina M. Mariottini, "A game changer in international litigation?: Roadmap to the 2019 Hague Judgments Convention", *Yearbook of Private International Law*, Vol. 20-2018, 2019, tr. 537-567, <https://doi.org/10.9785/9783504386528-028>; David P. Stewart, "The Hague Conference adopts a new Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Judgments in civil or commercial matters", *The American Journal of International Law*, 2019, tr. 771.

đến quyền tài phán, công nhận và cho thi hành các bản án trong lĩnh vực dân sự, thương mại.² Sau nhiều lần chỉnh sửa, bổ sung, cuối cùng dự thảo cũng được thông qua vào ngày 02/07/2019. Công ước này có hiệu lực bắt buộc và mở rộng cho tất cả các quốc gia ký kết và gia nhập. Mục tiêu của Công ước năm 2019 rõ ràng đã mở rộng phạm vi áp dụng hơn so với Công ước năm 2005 – chỉ giới hạn đối với vấn đề thỏa thuận chọn Tòa án, công nhận và cho thi hành bản án.³

Công ước La Haye năm 2019 được chia thành bốn chương. Chương I quy định về phạm vi áp dụng và định nghĩa (Điều 1 đến Điều 3). Chương II là phần chính hay còn gọi là phần cốt lõi của Công ước (Điều 4 đến Điều 15) quy định về điều kiện công nhận, cho thi hành bản án; các vấn đề pháp lý ban đầu, vấn đề về bồi thường thiệt hại, hòa giải, thủ tục công nhận, lệ phí. Chương III gồm các điều khoản chung (Điều 16 đến Điều 23) quy định về điều khoản chuyển tiếp, các tuyên bố, thống nhất cách giải thích, mối liên quan đến các điều ước khác. Chương IV quy định các điều khoản sau cùng (Điều 24 đến Điều 32), điều chỉnh việc phê chuẩn, hiệu lực của Công ước.

1.1. Phạm vi áp dụng

Điều 1 Công ước năm 2019 quy định phạm vi áp dụng của Công ước đó là điều chỉnh việc công nhận, cho thi hành tại một quốc gia thành viên các phán quyết trong lĩnh vực dân sự, thương mại được ban hành bởi Tòa án của một quốc gia thành viên khác. Đồng thời, Công ước không áp dụng đối với các phán quyết trong lĩnh vực thuế, hải quan và hành chính. Bên cạnh đó, Điều 2 Công ước cũng khẳng định Công ước sẽ không được áp dụng đối với các vấn đề như nhân thân; cấp dưỡng, hôn nhân gia đình; tài sản vợ chồng; thừa kế; phá sản của các tổ chức tài chính; vận chuyển hàng hóa, hành khách; ô nhiễm môi trường biển; trách nhiệm đối với thiệt hại do hạt nhân gây ra; đăng ký hay giải thể của pháp nhân; tính hiệu lực trong việc đăng ký ở các cơ quan công quyền; phỉ báng; quyền riêng tư; sở hữu trí tuệ; hoạt động lực lượng vũ trang; hoạt động thực thi pháp luật; vấn đề chống độc quyền, cạnh tranh; cơ cấu lại nợ của quốc gia; trọng tài và các thủ tục liên quan, trừ trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 2, khi vấn đề loại trừ ở trên chỉ là vấn đề pháp lý ban đầu (*preliminary issue*) chứ không phải là yêu cầu chính của vụ việc (*object of the proceedings*).

Ngoài ra, một số ngoại lệ khác đối với phạm vi áp dụng của Công ước được quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 2 (về chủ thể của vụ việc

2 Trên cơ sở của Công ước La Haye năm 1971 về công nhận và cho thi hành bản án dân sự và thương mại của nước ngoài.

3 Nadia de Araujo, Marcelo De Nardi, Inez Lopes, Fabrício Polido (org.), “The Hague Conference’s Judgments Project: Highlights of the text and advantages for Latin America”, *The Brazilian Journal of International Law (RDI)*, 2019, tr. 22-23.

là một quốc gia hay một cơ quan chính phủ, không làm ảnh hưởng đến quyền miễn trừ của quốc gia)⁴ tại Điều 6 (quyền sở hữu đối với bất động sản) và một số vấn đề phụ tại Điều 8.⁵

Các trường hợp quy định công nhận, thi hành hoặc không công nhận, thi hành liên quan đến các vấn đề pháp lý ban đầu của Công ước tương đối chặt chẽ, chi tiết và rõ ràng. Tuy nhiên, việc quy định này trong Công ước chưa mang tính chất ràng buộc, duy nhất bởi trong trường hợp pháp luật của quốc gia có quy định khác về việc công nhận và cho thi hành thì vẫn theo quy định của pháp luật quốc gia mình.⁶

Lấy ví dụ, Liên minh châu Âu (*European Union*, EU) là một trong các thành viên đầu tiên tham gia vào Công ước La Haye năm 2019, đây là văn kiện pháp lý thứ ba trong khuôn khổ Hội nghị La Haye được ký kết bởi EU. Khi EU gia nhập vào Công ước, các quốc gia thành viên do vậy cũng được yêu cầu phải áp dụng các quy định của Công ước. Cùng lúc đó, họ vẫn bị ràng buộc bởi những nguyên tắc chung của Liên minh, cụ thể là Công ước Brussels Ia,⁷ quy định về cùng vấn đề này. Vậy làm thế nào để tránh được sự áp dụng chòng chéo giữa hai công cụ trên?

Trên thực tế, đây không phải là một vấn đề mới phát sinh mà hiện tượng này thường xuất hiện khi Liên minh ký kết một công ước quốc tế mới, bao hàm luôn các vấn đề đã được quy định bởi pháp luật của Liên minh. Trong trường hợp cụ thể này, Công ước Brussels Ia thường được sử dụng. Điều này được lý giải bởi hai nguyên nhân. Một là, vì phạm vi áp dụng của Công ước La Haye hẹp hơn so với Công ước Brussels. Hai là, Công ước La Haye không chứa đựng quy định thực chất trực tiếp giải quyết về quyền tài phán và cũng không loại trừ việc công nhận và cho thi hành theo luật pháp quốc gia đối với những phán quyết không đủ điều kiện để được công nhận và cho thi hành theo Công ước.⁸

Các loại bản án được công nhận, cho thi hành theo quy định của Công ước năm 2019 được hiểu là bất kỳ quyết định nào về mặt nội dung được đưa ra bởi một Tòa án, bao gồm các quyết định, lệnh, quyết định về chi phí của vụ kiện, với điều kiện là các quyết định đó phải liên quan đến nội dung chính của vụ kiện; ngoại trừ quyết định về áp dụng các biện pháp bảo vệ tạm thời (*interim measure of protection*) (theo điểm b khoản 1 Điều 3)

Các thỏa thuận hòa giải (*judicial settlements*) tại Tòa án đã được Tòa án của quốc gia thành viên phê chuẩn hoặc đã được ký kết trong quá trình tố

4 Preliminary Document No 1 of December 2018, tr. 10, đoạn 38.

5 Như trên, tr. 18, đoạn 63.

6 Như trên, tr. 70, đoạn 316.

7 Quy định (EU) số 1215/2012 về quyền tài phán và công nhận và thi hành các bản án trong dân sự và các vấn đề thương mại, 2012, OJ L 351/1.

8 Điều 23(4) Công ước La Haye năm 2019.

tụng trước Tòa án của một quốc gia thành viên và có hiệu lực thi hành như một bản án tại quốc gia ban đầu cũng sẽ được thi hành theo các điều khoản quy định trong Công ước năm 2019 như một bản án (theo Điều 11).

1.2. Cơ sở cho việc công nhận, thi hành và từ chối công nhận, cho thi hành phán quyết nước ngoài

Điều 4 Công ước năm 2019 đã ghi nhận nguyên tắc chung về công nhận, cho thi hành các bản án giữa các quốc gia thành viên bao gồm: (i) Việc một quốc gia thành viên phải có nghĩa vụ công nhận, thi hành bản án được ban hành ở một quốc gia thành viên khác theo các điều khoản được quy định tại Công ước năm 2019 và chỉ có thể từ chối công nhận, thi hành bản án của quốc gia thành viên khác theo các trường hợp được quy định trong Công ước năm 2019; (ii) Khi xem xét việc công nhận, thi hành bản án, quốc gia được yêu cầu không xem xét lại nội dung của bản án mà chỉ có thể xem xét nội dung khi việc xem xét nội dung đó là điều cần thiết cho việc áp dụng các điều khoản của công ước; (iii) Khi công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, các bản án, quyết định đó vẫn phải luôn đảm bảo không ảnh hưởng đến các trật tự công cũng như các nguyên tắc cơ bản trong pháp luật các nước được yêu cầu công nhận.

Quy định này là cần thiết trong Công ước, và cũng là quy định có trong hầu hết pháp luật của các quốc gia về công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định của tòa án nước ngoài. Ví dụ, tất cả các văn bản của EU, quy định “trong mọi trường hợp, quốc gia thành viên nhận được yêu cầu công nhận và thi hành không xem xét lại nội dung của bản án, quyết định ban hành tại quốc gia thành viên khác”.⁹ Điều này cũng thể hiện được nguyên tắc chủ quyền quốc gia, vừa thể hiện sự tôn trọng và tin tưởng đối với các cơ quan tư pháp của các quốc gia thành viên khác, đồng thời đảm bảo rằng việc công nhận và cho thi hành chỉ nhằm xem xét tính khách quan của quá trình cơ quan tài phán nước ngoài ban hành bản án, quyết định đó, tôn trọng và tuân theo nguyên tắc *Comity* trong luật quốc tế.¹⁰

Quốc gia thành viên chỉ được công nhận và cho thi hành bản án nếu bản án vẫn còn đang có hiệu lực thi hành ở quốc gia ban đầu. Việc công

9 Điều 52 Luật 1215/2012, Điều 41 Luật 650/2012, Điều 26 Luật 2201/2003, Điều 42 Luật 4/2009.

10 Nguyên tắc *Comity* (nguyên tắc “tôn trọng lẫn nhau”) trong luật quốc tế và luật quốc gia là một nguyên tắc không có tính bắt buộc mà dựa trên sự tự nguyện và sự tôn trọng giữa các quốc gia và giữa các hệ thống pháp lý khác nhau. Nguyên tắc này yêu cầu các quốc gia tôn trọng và công nhận các phán quyết, quyết định của các tòa án nước ngoài, cũng như các hành vi pháp lý khác nếu không mâu thuẫn với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật trong quốc gia đó”. Theo Joseph Story, *Commentaries on the conflict of laws, foreign and domestic*, Boston: Hilliard, Gray, and Company, 1984; John Kuhn Bleimaier, “The doctrine of comity in private international law”, *The Catholic Lawyer*, Vol. 24(4), 1979.

nhận và cho thi hành có thể bị hoãn hoặc bị từ chối nếu bản án đang bị xem xét lại ở quốc gia ban đầu hoặc thời hạn cho việc thực hiện yêu cầu phúc thẩm vẫn chưa hết. Việc từ chối này không ảnh hưởng đến quyền yêu cầu công nhận hoặc thi hành bản án sau đó. Đây được xem là một nguyên tắc bổ sung so với các công ước trước đây. Quy định này hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn xảy ra trên thực tế, bởi theo quy định, pháp luật của các nước đều có quy định cho thủ tục kháng cáo, kháng nghị. Quy định này có thể được xem là một trong những lý do nhằm đảm bảo tính chính xác và khắc phục tối đa các sai sót trong những quyết định của Tòa án các cấp. Khi đó, một bản án một khi đã có thể bị xem xét lại vì những lý do khách quan hoặc chủ quan nào đó, hoặc thời gian phúc thẩm chưa hết thì không thể được công nhận và cho thi hành trên lãnh thổ của các quốc gia có liên quan khác. Bản án, quyết định đó sẽ được công nhận và cho thi hành trên lãnh thổ của các quốc gia thành viên nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo thủ tục công nhận và thi hành đã quy định.

Điều 9 của Công ước năm 2019 cho phép việc công nhận hoặc thi hành một phần của bản án nếu phần được tách đó thuộc phạm vi quy định được yêu cầu công nhận, cho thi hành theo quy định của công ước này. Quy định này có thể hiểu, trong trường hợp phần được yêu cầu tách được với phần không được yêu cầu thì có thể công nhận đối với phần được yêu cầu. Tuy nhiên, cũng có thể hiểu theo hướng nếu việc công nhận và từ chối một phần của bản án còn lệ thuộc vào cách tuyên trong bản án, nếu trong trường hợp cách tuyên không thể tách được từng phần của bản án thì việc từ chối sẽ được áp dụng cho toàn bộ bản án đó.

Về cơ sở công nhận, cho thi hành phán quyết nước ngoài, Điều 5 của Công ước gần như tập hợp của tất cả các trường hợp để một bản án của các quốc gia thành viên có thể được công nhận, thi hành tại các quốc gia thành viên khác.

Căn cứ quy định tại Điều 5 Công ước La Haye năm 2019 về công nhận và cho thi hành bản án của Tòa án nước ngoài trong lĩnh vực dân sự, thương mại có thể chia làm hai nhóm:

a. Xuất phát từ điều kiện của các bên tham gia trong vụ việc dân sự, thương mại

Điểm a, b, d khoản 1 Điều 5 của Công ước quy định cá nhân hay tổ chức bị yêu cầu công nhận và thi hành phải có nơi thường trú và nơi tiến hành hoạt động kinh doanh chính và vụ việc phải liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của tổ chức đó tại quốc gia ban đầu tại thời điểm trở thành đương sự trong vụ việc dân sự ở Tòa án ban đầu. Quy định này của Công ước nhằm mục đích đảm bảo rằng Tòa án nước ngoài khi giải quyết vụ việc dân sự, thương mại có đủ thẩm quyền giải quyết vụ việc

có liên quan đến cá nhân hay tổ chức đó. Quy định này khá tương đồng với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 về thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam khi giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.

Tương tự, điểm d khoản 1 Điều 5 của Công ước cũng gần giống quy định tại điểm b của khoản 1 Điều 469 BLTTDS năm 2015 dành cho tổ chức có chi nhánh văn phòng đại diện, hoặc những cơ sở không có tư cách pháp nhân nhưng vụ việc lại có liên quan đến chi nhánh văn phòng đại diện của tổ chức đó. Tiếp theo là các quy định cũng dựa trên dấu hiệu của bị đơn đảm bảo cho Tòa án ban đầu đủ cơ sở để có thẩm quyền thụ lý vụ việc như điểm c khoản 1 Điều 5 liên quan đến bị đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành là bên trước đó đã khởi kiện vụ việc được xét xử tại Tòa án ban đầu; Bị đơn đồng ý với thẩm quyền giải quyết của Tòa án ban đầu ngay trong quá trình tố tụng giải quyết vụ việc đó;¹¹ bị đơn đã đồng ý và không phản đối về nội dung tranh luận tại Tòa án ban đầu trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật quốc gia đó.¹²

b. Xuất phát từ nội dung của các bản án mà Tòa án ban đầu có đủ thẩm quyền giải quyết và ban hành

Các bản án có nội dung thuộc các trường hợp được liệt kê cụ thể trong Điều 5 Công ước gồm:

(g) Bản án có liên quan đến nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng nơi nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện hoặc có khả năng được thực hiện theo sự thỏa thuận của các bên hoặc theo pháp luật chính của hợp đồng nếu các bên không có thỏa thuận về nơi thực hiện, trừ khi hoạt động giao dịch của bị đơn rõ ràng không có mối liên hệ mật thiết với quốc gia đó;

(h) Bản án về hợp đồng có liên quan đến nghĩa vụ cho thuê bất động sản được ban hành bởi Tòa án nơi có bất động sản;

(i) Bản án chống lại bị đơn có liên quan đến tranh chấp nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng được đảm bảo bằng quyền đối vật đối với bất động sản nằm trên lãnh thổ của quốc gia ban đầu, nếu yêu cầu đối với nghĩa vụ hợp đồng đó có liên quan đến quyền đối vật của bị đơn đó;

(j) Bản án về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do hành vi trực tiếp thực hiện làm gây thiệt hại xảy ra tại quốc gia ban đầu bất kể là thiệt hại phát sinh ở quốc gia nào như tổn hại về mặt thể chất, gây chết, thiệt hại đối với tài sản hữu hình;

(k) Bản án liên quan đến quan hệ uỷ thác tư pháp; (l) Bản án về yêu cầu phản tố: + Trường hợp nếu yêu cầu phản tố có cùng quan hệ tranh chấp hoặc cùng một sự kiện của vụ kiện ban đầu thì yêu cầu phản tố được

11 Điểm e khoản 1 Điều 5 Công ước La Haye năm 2019.

12 Điểm f khoản 1 Điều 5 Công ước La Haye năm 2019.

chấp nhận; + Trường hợp phản tố sẽ không chấp nhận, trừ khi pháp luật có quy định khác;

(m) Bản án được ban hành tại tòa án do các bên cùng đồng ý thỏa thuận hoặc bằng giấy, phương tiện điện tử mà có thể viện dẫn sau đó.

1.3. Ngoại lệ của việc công nhận, thi hành và từ chối công nhận, cho thi hành phán quyết nước ngoài

Thứ nhất, liên quan đến quyền lợi của bên yếu thế, khoản 2 Điều 5 của Công ước đã đề cập việc bảo vệ quyền lợi của bên “yếu thế”, cụ thể trong quy định người yếu thế bao gồm người tiêu dùng và người lao động là cá nhân, giúp khắc phục những hạn chế và thiếu sót trong các văn bản khác trong pháp luật mà các quốc gia quy định. Theo đó, Công ước quy định đối với các loại bản án rơi vào các trường hợp quy định tại điểm (f), (g), (m) sẽ không áp dụng nếu quan hệ hợp đồng có liên quan đến quyền lợi của người tiêu dùng và người lao động là cá nhân, trừ trường hợp bị đơn đồng ý rõ ràng bằng lời nói hoặc văn bản.

Thứ hai, liên quan đến việc cho thuê bất động sản để ở và đăng ký bất động sản, khoản 3 Điều 5 của Công ước quy định rằng các phán quyết của tòa án liên quan đến cho thuê bất động sản để ở và liên quan đến việc đăng ký bất động sản sẽ không được áp dụng. Tuy nhiên, nếu các phán quyết đó được ban hành bởi tòa án của quốc gia nơi có bất động sản, thì chúng có thể được xem xét và công nhận. Ngoài ra, việc công nhận và thi hành có thể bị hoãn hoặc từ chối nếu vụ việc đã được tòa án của quốc gia yêu cầu công nhận thụ lý trước, và vụ tranh chấp có mối liên hệ mật thiết với quốc gia đó.

Thứ ba, về cơ sở cho quyền tài phán riêng biệt, quy định tại Điều 6 ưu tiên các bản án về quyền đối vật đối với bất động sản khi tài sản đó tọa lạc tại quốc gia ban đầu.

Các quy định cụ thể cho quyền tài phán được thể hiện trong Công ước được gọi là cơ sở cho quyền tài phán gián tiếp (*indirect jurisdiction*), phân biệt với quyền tài phán trực tiếp – quyền tài phán của Tòa án quốc gia (*direct jurisdiction*). Nghĩa là quốc gia được yêu cầu công nhận sẽ xem xét đánh giá liệu rằng bản án của Tòa án nước ngoài có thỏa mãn điều kiện về công nhận được nêu trong Điều 5 và Điều 6 của Công ước hay không. Khi xem xét đánh giá, Tòa án của quốc gia được yêu cầu không xem xét quy định về quyền tài phán của quốc gia yêu cầu công nhận.

1.4. Cơ sở từ chối công nhận, thi hành phán quyết nước ngoài

Điều 7 Công ước liệt kê các trường hợp mà một quốc gia thành viên có thể từ chối công nhận, thi hành các phán quyết của quốc gia thành viên khác nếu rơi vào một trong các trường hợp như: vi phạm trình tự tố tụng; bản án có được có phải do gian lận hay lừa dối; việc công nhận hay

thi hành bản án không phù hợp với trật tự công của quốc gia được yêu cầu... Ngoài ra, việc công nhận và thi hành có thể bị hoãn hoặc từ chối nếu vụ việc đã được tòa án của quốc gia yêu cầu công nhận thụ lý trước, và vụ tranh chấp có mối liên hệ mật thiết với quốc gia đó. Tuy nhiên, việc từ chối này không ảnh hưởng đến việc các bên đương sự nộp đơn yêu cầu công nhận, thi hành các bản án sau đó (theo khoản 2 Điều 7).

Bên cạnh phân tích ở phần phạm vi của Công ước, cần lưu ý thêm rằng quy định tại khoản 2 Điều 8 được giải thích Tòa án của quốc gia được yêu cầu công nhận phải xác thực liệu vấn đề pháp lý ban đầu đó có mang tính quyết định đến phán quyết sau cùng của bản án.

Về cơ sở liên quan đến bồi thường thiệt hại mang tính trừng phạt, Điều 10 Công ước năm 2019 cho phép các quốc gia được quyền từ chối công nhận đối với các bản án liên quan đến vấn đề mang tính cảnh báo hay trừng phạt mà không nhằm bù đắp tổn thất hoặc thiệt hại thực tế cho đương sự. Đây cũng là cơ sở để các quốc gia thành viên có thể từ chối công nhận, thi hành một phần bản án của Tòa án quốc gia thành viên khác của Công ước.

Tòa án cũng được quyền từ chối công nhận, thi hành mức chi phí bồi thường thiệt hại mà bên yêu cầu đưa ra liệu có phù hợp với chi phí liên quan đến thủ tục tố tụng hay không và ở mức độ nào.

Như vậy, Công ước đã đưa ra tiêu chuẩn tối thiểu cho việc chấp nhận các phán quyết nước ngoài, theo đó các phán quyết thuộc phạm vi của Công ước phải được chấp nhận để công nhận và cho thi hành trừ khi viện dẫn một trong những căn cứ tùy ý để từ chối tại Điều 7. Công ước cho phép các Tòa án vượt ra ngoài các quy tắc của mình và công nhận và thi hành các phán quyết nước ngoài dựa trên các quy tắc “Tổ chức hội nhập kinh tế khu vực” (*Regional Economic Integration Economic, REIO*)¹³ hoặc quy tắc của quốc gia, được cụ thể tại Điều 15 và Điều 23(4) Công ước.

Cụ thể, Điều 15 dẫn đến Điều 6 của Công ước. Ngoại lệ này liên quan đến các phán quyết về quyền sở hữu đối với bất động sản. Những phán quyết như vậy chỉ có thể được công nhận nếu tài sản nằm ở quốc gia ban hành phán quyết. Các phán quyết về quyền đối với bất động sản không đáp ứng tiêu chí lãnh thổ này không chỉ không đủ điều kiện để được công nhận và cho thi hành theo Công ước mà còn có thể không được công nhận ngay cả theo luật pháp quốc gia.

Quy tắc này phản ánh chặt chẽ Điều 45(e)(ii) của Công ước Brussels Ia, về việc từ chối công nhận phán quyết vi phạm các quy định liên quan đến quyền tài phán độc quyền. Điều này bao gồm các trường hợp mà

13 “Tổ chức hội nhập kinh tế khu vực” có nghĩa là một tổ chức được thành lập bởi các quốc gia mà họ đã chuyển giao thẩm quyền đối với các vấn đề được điều chỉnh bởi các Quy tắc này, bao gồm cả thẩm quyền đưa ra quyết định ràng buộc họ đối với những vấn đề đó.

quyền tài phán độc quyền áp dụng đối với các vụ án liên quan đến việc lưu giữ hoặc thuê bất động sản, chỉ thuộc thẩm quyền của các tòa án tại địa phương nơi có bất động sản (được đề cập đến tại Điều 24(1)). Tuy nhiên, Quy định này không áp dụng đối với phán quyết từ Tòa án của nước thứ ba phán quyết về các quyền tại nơi mà bất động sản không tọa lạc. Nó cũng không loại trừ việc công nhận phán quyết của Tòa án của một quốc gia thành viên đã ra phán quyết về các quyền tại nơi có cơ sở ở một nước thứ ba. Hiện tại, một quốc gia thành viên có thể công nhận và cho thi hành phán quyết đó theo luật pháp quốc gia của mình. Tuy nhiên, Công ước sẽ hoàn toàn cấm khả năng này khi tòa án ban đầu và cơ quan thực hiện xét xử ở hai quốc gia ký kết khác nhau.

Nhằm cho phép các quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu tiếp tục áp dụng Công ước Brussels Ia, Điều 23(4) của Công ước có điều khoản “ngắt kết nối” (*disconnecting*).¹⁴ Tuy nhiên, Điều 23(4) có phân biệt giữa các quy tắc REIO được thông qua trước khi ký kết Công ước (có thể được áp dụng vô điều kiện (điểm (a)) và các quy tắc được thông qua ở giai đoạn sau, có thể không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ theo Điều 6 đối với các quốc gia ký kết không phải là thành viên của REIO (điểm b)). Cụ thể, điều này có nghĩa là EU không thể thay đổi các quy định trong Công ước Brussels Ia để yêu cầu một quốc gia thành viên công nhận và thi hành phán quyết của một quốc gia thành viên khác liên quan đến các quyền đối với bất động sản nằm ngoài EU dù đó là một quốc gia ký kết Công ước. Do đó, việc sửa đổi Công ước Brussels Ia trong tương lai có thể hướng đến việc ngăn cản việc công nhận và cho thi hành tại một quốc gia thành viên phán quyết được đưa ra tại một quốc gia thành viên khác về các quyền đối với bất động sản nằm ở nơi khác.¹⁵

2. Khả năng gia nhập của Việt Nam vào Công ước La Haye năm 2019 về công nhận, cho thi hành và không công nhận phán quyết nước ngoài trong lĩnh vực dân sự, thương mại

2.1. Cơ hội từ việc gia nhập Công ước La Haye năm 2019 về công nhận, cho thi hành và không công nhận phán quyết nước ngoài trong lĩnh vực dân sự, thương mại

Công ước La Haye năm 2019 hướng đến mục tiêu “tăng cường tính chắc chắn và dự đoán trước được về mặt pháp lý, là những yếu tố quan trọng trong lĩnh vực pháp luật quốc tế, đặc biệt là thương mại quốc

14 Điều khoản này cho phép một quốc gia từ chối công nhận và thi hành phán quyết nước ngoài trong những trường hợp đặc biệt khi phán quyết đó không phù hợp với các quy định cơ bản hoặc chính sách công cộng của quốc gia yêu cầu công nhận. Xem: Michael Wilderspin, Lenka Vysola, “The 2019 Hague Judgments Convention through European lenses”, *NIPR*, 2020.

15 Michael Wilderspin, Lenka Vysola, “The 2019 Hague Judgments Convention through European lenses”, *NIPR*, 2020, tr. 38.

tế...”.¹⁶ Công ước được xem là cần thiết để giảm các chi phí giao dịch và tổ tụng với các quan hệ xuyên biên giới và tăng cường hiệu quả tiếp cận công lý cho mọi người, đồng thời cũng hỗ trợ thương mại và đầu tư đa phương vận hành trên cơ sở nguyên tắc pháp quyền thông qua việc tăng cường tính chắc chắn và dự đoán trước được, thúc đẩy quản trị tốt hơn các rủi ro trong giao dịch và tổ tụng, rút ngắn thời gian công nhận và cho thi hành phán quyết của một quốc gia tại quốc gia khác, mang đến công lý cho cá nhân và doanh nghiệp một cách hiệu quả và tiết kiệm hơn. Công ước được xem là một bước tiến lớn trong giải quyết tranh chấp quốc tế, hướng đến thúc đẩy hợp tác tư pháp, giảm rủi ro, chi phí trong các quan hệ pháp lý xuyên biên giới và giải quyết tranh chấp, từ đó tạo thuận lợi cho thương mại, đầu tư quốc tế.

Việc thông qua Công ước năm 2019 là một giải pháp hiệu quả để lấp đầy các khoảng trống trong lĩnh vực tư pháp quốc tế hiện tại. Đó sẽ là một cơ hội tốt để gia nhập vào Công ước, nhất là trong bối cảnh Công ước đang được quảng bá và các quốc gia được khuyến khích trở thành thành viên để Công ước được áp dụng đúng và vận hành hiệu quả.

2.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về công nhận, cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài

Hiện nay, Việt Nam đã ký kết 17 hiệp định tương trợ tư pháp với các nước: Cộng hòa Czech, Cộng hòa Slovakia, Cuba, Hungary, Bulgaria, Ba Lan, Nga, Lào, Trung Quốc, Pháp, Ukraine, Mongolia, Belarus, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Algeria, Kazakhstan, Cambodia và một thỏa thuận song phương với lãnh thổ Đài Loan, trong đó có quy định về vấn đề công nhận, thi hành bản án dân sự, thương mại của Tòa án hai nước ký kết.¹⁷

Việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài được quy định tại phần thứ bảy của BLTTDS năm 2015. Các trường hợp có thể xảy ra bao gồm: (i) pháp luật Việt Nam quy định cụ thể những loại bản án, quyết định dân sự nào của Tòa án nước ngoài nào sẽ được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam;¹⁸ (ii) những loại bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài đương nhiên công nhận tại Việt Nam¹⁹ và cuối cùng (iii) những trường hợp mà Tòa án Việt Nam sẽ xem xét không công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài.²⁰

16 Phát biểu của Ngài Stef Blok, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Vương quốc Hà Lan tại Lễ ký văn kiện cuối cùng của Công ước La Haye năm 2019.

17 Tham khảo thêm tại link: <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/35001/file-60-hiep-dinh-tuong-tro-tu-phap-tinh-den-ngay-17-3-2021>, truy cập lần cuối ngày 5/1/2024.

18 Điều 423 BLTTDS năm 2015.

19 Điều 431 BLTTDS năm 2015.

20 Điều 439 BLTTDS năm 2015.

Trên thực tế, liên quan đến quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài, có rất nhiều vấn đề pháp lý phát sinh, khi đó không phải tất cả các loại bản án, quyết định dân sự đều được Tòa án Việt Nam xem xét công nhận và cho thi hành. Tại Điều 423 của BLTTDS năm 2015 giới hạn phạm vi các loại bản án, quyết định dân sự gồm: bản án, quyết định về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, quyết định liên quan đến tài sản trong bản án, quyết định hình sự, hành chính của Tòa án nước ngoài được quy định tại điều ước quốc tế mà nước đó và Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại; ngoài ra một số bản án, quyết định dân sự khác của Tòa án nước ngoài cũng được Việt Nam công nhận và cho thi hành. Quyết định về nhân thân, hôn nhân gia đình của cơ quan có thẩm quyền khác có thẩm quyền của nước ngoài mà không phải là tòa án cũng được xem xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, pháp luật Việt Nam cũng cho phép một số trường hợp bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài liên quan đến lĩnh vực dân sự đương nhiên được công nhận tại Việt Nam (Điều 431 của BLTTDS 2015). Theo đó, bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam và không có đơn yêu cầu không công nhận tại Việt Nam được quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc bản án, quyết định về hôn nhân và gia đình của Tòa án nước ngoài mà nước đó và Việt Nam chưa cùng là thành viên của điều ước quốc tế sẽ đương nhiên được công nhận tại Việt Nam. Quy định này là sự nội luật hóa các quy định tương ứng tại nhiều hiệp định tương trợ tư pháp đang có hiệu lực giữa Việt Nam và các quốc gia.²¹

Nhìn chung, quy định tại Điều 431 của BLTTDS năm 2015 chưa rõ ràng, khó áp dụng. Tòa án thông thường sẽ không có căn cứ để xác định được ý định của đương sự là sẽ yêu cầu hay không yêu cầu thi hành tại Việt Nam một bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài. Quy định này chỉ viện dẫn một số bản án, quyết định dân sự không phải thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự và việc không phải thi hành đó xuất phát từ bản chất, đặc điểm quan hệ dân sự mà bản án, quyết định đó giải quyết. Thực tiễn cũng cho thấy đã phát sinh một số trường hợp đương sự không phản đối bản án, quyết định dân sự tại Điều 431 của BLTTDS năm 2015, ví dụ như quyết định ly hôn của tòa án nước ngoài, nhưng vì thiếu hiểu biết nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận và cho thi hành

21 Điều 1, 5, 16 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Ấn Độ; Điều 1, 5, 18-24 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Anh và Bắc Ai-len; Điều 1, 4, 16 Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Hàn Quốc; Điều 61 Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và U-crai-na, Điều 79 Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với Nga. Các hiệp định trên giữa các quốc gia (Liên bang Nga, Belarus, Ucraina, Bungari, Hungari, Campuchia và Cuba) về việc các quyết định dân sự của tòa án nước này đương nhiên được công nhận trên lãnh thổ nước kia và ngược lại.

tại Việt Nam bản án, quyết định ly hôn đó, và đáng tiếc hơn nếu có một số tòa án vẫn thụ lý đơn yêu cầu để giải quyết.²²

BLTTDS năm 2015 hiện hành quy định có ba loại bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài được tòa án Việt Nam xem xét thụ lý, giải quyết.²³ Điều này đồng nghĩa với việc, các bản án, quyết định khác của Tòa án nước ngoài không thuộc ba loại bản án, quyết định nêu trên sẽ không được Tòa án Việt Nam xem xét công nhận. Mặc dù BLTTDS năm 2015 không quy định cụ thể các loại bản án, quyết định này, nhưng một số luật như Luật Phá sản, Luật Tương trợ tư pháp²⁴ và một số điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đều có quy định một số bản án thuộc trường hợp này. Có thể khái quát thành một số quyết định như sau: quyết định giải quyết phá sản, quyết định được ban hành trong các thủ tục liên quan đến phá sản mà pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định không thuộc trường hợp được xem xét công nhận và cho thi hành; Quyết định về thủ tục tố tụng do tòa án nước ngoài ban hành trong quá trình giải quyết vụ việc (quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, quyết định buộc đương sự, cơ quan, tổ chức phải cung cấp, xuất trình chứng cứ hoặc người làm chứng phải có mặt tại Tòa án...); Quyết định công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước thứ ba hoặc phán quyết của trọng tài nước ngoài...²⁵

2.3. Đề xuất Việt Nam gia nhập Công ước La Haye năm 2019 về cơ sở cho việc công nhận, cho thi hành và không công nhận phán quyết nước ngoài trong lĩnh vực dân sự, thương mại

Việt Nam đang tích cực tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là trong các lĩnh vực pháp lý liên quan đến dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại và lao động có yếu tố nước ngoài. Điều này tạo nền tảng thuận lợi cho sự phát triển của các quan hệ hợp tác quốc tế, giúp thúc đẩy quan hệ hợp tác ngày càng sâu rộng và hiệu quả giữa Việt Nam và các quốc gia đối tác. Tuy nhiên, trong thực tế, các mâu thuẫn và tranh chấp trong các quan hệ dân sự là điều không thể tránh khỏi, do cả những yếu tố chủ quan và khách quan. Vì vậy, việc các bên đương sự nộp đơn khởi kiện yêu cầu tòa án nước ngoài hoặc tòa án Việt Nam giải quyết tranh chấp là một tình huống phổ biến. Từ đó, yêu cầu công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án Việt Nam

22 Lê Mạnh Hùng, “Về thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài”, *Tạp chí Tòa án Nhân dân*, 2022, <https://tapchitoaan.vn/ve-thu-tuc-cong-nhan-va-cho-thi-hanh-tai-viet-nam-ban-an-quyet-dinh-dan-su-cua-toa-an-nuoc-ngoai-tiep-theo-ky-truoc7183.html>, truy cập ngày 5/1/2024. Ngoài ra, có tham khảo thêm nhiều dẫn chứng thực tiễn phát sinh đối với trường hợp này, tham khảo thêm: Phan Hoài Nam, Nguyễn Lê Hoài, *Tư pháp quốc tế - Câu hỏi và tình huống*, Nxb. ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, tr. 194-201.

23 Khoản 1, Điều 423 BLTTDS năm 2015.

24 Điều 19 Luật Tương trợ tư pháp 2007.

25 Lê Mạnh Hùng, *tlđđ*.

hoặc tòa án nước ngoài trở thành bước tiếp theo trong quá trình bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên.

Công ước La Haye 2019 về công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài trong lĩnh vực dân sự và thương mại là một văn bản quan trọng thể hiện rõ mong muốn của các quốc gia trong việc xây dựng một công ước toàn cầu về vấn đề này. Công ước này tạo ra một môi trường pháp lý ổn định và có thể dự đoán trước, từ đó thúc đẩy hoạt động thương mại, đầu tư quốc tế và quá trình toàn cầu hóa. Công ước 2019 là sự kế thừa và phát triển linh hoạt của các công ước tương tự trước đó, với các điều kiện xét công nhận và thi hành bản án dựa trên quyền tài phán và các cơ sở từ chối công nhận đã được áp dụng rộng rãi trong pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế. Đặc biệt, Công ước 2019 không cản trở việc các quốc gia công nhận và thi hành bản án nước ngoài theo luật quốc gia của mình nếu bản án không đáp ứng điều kiện của Công ước, và cũng không ngăn cản việc công nhận, thi hành bản án theo các điều ước quốc tế mà quốc gia thành viên đã ký kết trước hoặc sau Công ước 2019.

Hiện nay, Việt Nam có quan hệ dân sự và thương mại với hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, vì vậy số lượng các hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam ký kết chưa đủ để đáp ứng nhu cầu công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài có yếu tố liên quan đến Việt Nam. Mặc dù việc ký kết thêm các hiệp định tương trợ tư pháp là một giải pháp khả thi, nhưng sẽ tốn nhiều thời gian, chi phí và không mang lại hiệu quả cao, bởi nó chỉ giải quyết vấn đề giữa hai quốc gia. Do đó, việc xem xét gia nhập Công ước La Haye 2019 là một giải pháp hiệu quả, giúp giải quyết vấn đề này ở phạm vi rộng hơn. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Nadia de Araujo, Marcelo De Nardi, Inez Lopes, Fabrício Polido (org.), “The Hague Conference’s Judgments Project: Highlights of the text and advantages for Latin America”, *The Brazilian Journal of International Law (RDI)*, 2019
- [2] John Kuhn Bleimaier, “The doctrine of comity in private international law”, *The Catholic Lawyer*, Vol. 24(4), 1979
- [3] Andrea Bonomi and Cristina M. Mariottini, “A game changer in international litigation?: Roadmap to the 2019 Hague Judgments Convention”, *Yearbook of Private International Law*, Vol. 20–2018, 2019, <https://doi.org/10.9785/9783504386528-028>
- [4] Lê Mạnh Hùng, “Về thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài”, *Tạp chí Tòa án Nhân dân*, 2022 [trans: Le Manh Hung, “On procedures for recognizing and enforcing in Vietnam civil judgments and decisions of foreign courts”, *The People’s Court Journal*, 2022]
- [5] David P. Stewart, “The Hague Conference adopts a new Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Judgments in civil or commercial matters”, *The American Journal of International Law*, 2019
- [6] Michael Wilderspin, Lenka Vysola, “The 2019 Hague Judgments Convention through European lenses”, *NIPR*, 2020